

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST

Ngày 24-10- 2017

*V/v: “Kiện chia tài sản chung
trong thời kỳ hôn nhân”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đức.

2. Bà Nguyễn Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965.

* **Bị đơn:** Ông Đinh Văn L, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt bà H, ông L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Văn L có đăng ký kết hôn ngày 06/02/1986 tại UBND xã T, huyện T (nay là UBND phường T, thành phố P), tỉnh Hà Nam. Do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống do đó ông bà đã thuận tình ly hôn. Tại bản án số 32/2015/HNGĐ-ST ngày 23/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã quyết định về phần hôn nhân, con chung, riêng phần tài sản các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 21/7/2017 bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 17, tờ bản đồ PL 12, diện tích 95m² trong đó đất ở là 65m², đất không hợp pháp là 30m², địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà

Nam được UBND huyện Thanh Liêm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/2006 và bà xin được hưởng bằng hiện vật (là đất) và trả chênh lệch cho ông L bằng tiền.

Bị đơn ông Đinh Văn L có quan điểm về thửa đất như bà H khai là đúng.

Ngoài ra ông bà còn có một thửa đất khác thuộc tờ bản đồ số 03, thửa 601, diện tích 300m² đất thổ cư được UBND xã T, huyện T giao tạm thời sử dụng đất và tài sản trên đất. Nay ông có quan điểm không đề nghị Tòa án chia thửa đất 300m² tờ bản đồ số 03, thửa 601 mà ông đã đưa ra vì thửa đất này chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông chỉ mong muốn ông, bà tự thỏa thuận giải quyết với nhau mỗi người một thửa. Mặt khác sau khi ly hôn ông có san lấp đất đá trên thửa đất số 17 đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi Tòa án phân chia tài sản là thửa đất này thì ông xin hưởng bằng hiện vật là đất và trả chênh lệch cho bà H bằng tiền, và ông cũng xin được hưởng giá trị tài sản mà ông san lấp là tài sản riêng của ông.

Ngày 28/9/2017 Hội đồng định giá đã định giá thửa đất số 17, tờ bản đồ PL 12, diện tích 95m² trong đó 65m² đất sử dụng lâu dài và 30m² đất do UBND quản lý tại tổ 7, xã T (nay là phường T, thành phố P), tỉnh Hà Nam. Cụ thể 65m² x 3.500.000đ = 227.500.000đ; giá trị san lấp trên đất thổ cư là 29.835.000đ và đất không hợp pháp là 13.770.000đ. Tổng giá trị về đất san lấp là 43.605.000đ.

* Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: Bà H và ông L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó như trong lời khai, đơn đề nghị và lời trình bày tại Tòa án. Ông bà thống nhất không yêu cầu Tòa án chia thửa đất thuộc tờ bản đồ số 3, thửa 601, diện tích 300m² đất thổ cư được UBND phường T giao tạm thời sử dụng đất và tài sản trên đất mà chỉ yêu cầu chia thửa đất số 17, tờ bản đồ PL 12, diện tích 95m² đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/2006.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 144; 147; 155; 156; 157; 163; 164; 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 29; 33; 38; 39; 40; 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 99; Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H.

2/ Giao cho ông Đinh Văn L sử dụng toàn bộ thửa đất số 17, tờ bản đồ PL 12, diện tích $95m^2$, trong đó đất ở là $65m^2$, đất không hợp pháp là $30m^2$ (tạm giao ông L sử dụng phải có nghĩa vụ chấp hành các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với diện tích đất này), địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/2006. Ông L có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho bà H là 113.750.000đ.

3/ Về án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong thời kỳ hôn nhân ông L bà H đã tạo dựng được khối tài sản là 02 thửa đất. Tuy nhiên tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông bà chỉ đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 17, tờ bản đồ PL 12, diện tích $95m^2$ trong đó đất ở là $65m^2$, đất không hợp pháp là $30m^2$, địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/2006 đã được Hội đồng định giá là 271.105.000đ. Trong đó:

+ Đất ở hợp pháp $65m^2 = 227.500.000đ$ (Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Giá trị san lấp trên đất = 43.605.000đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm L năm nghìn đồng).

Ông L xin được hưởng bằng hiện vật là đất và trả chênh lệch bằng tiền cho bà H và xin được hưởng giá trị tài sản ông đã san lấp trên thửa đất này.

Bà H cũng xin hưởng bằng hiện vật là đất và trả chênh lệch bằng tiền cho ông L. Mặt khác bà cũng nhất trí trả giá trị tài sản mà ông L đã tôn tạo trên thửa đất này cho ông L (bà cũng công nhận đây là tài sản riêng của ông L).

HĐXX thấy rằng: Cả ông L và bà H hiện nay có 02 thửa đất. Mặt khác con của ông bà đã lớn, tự lập được cũng không có cháu nào ở với ông L hay với bà H.

Thửa đất mà ông bà đề nghị Tòa án chia là thửa đất số 17, tờ bản đồ PL 12, diện tích 95m², trong đó đất ở là 65m², đất không hợp pháp là 30m², địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trong các phiên hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa ngày hôm nay, ông L chỉ mong muốn có một chỗ ở, ông đã nhất trí để cho bà H chọn một trong hai thửa, thửa còn lại để dành cho ông. Xét nhu cầu cấp thiết về chỗ ở của ông L, HĐXX thấy rằng thửa đất này chỉ có 65m² đất hợp pháp. Sau khi xem xét tổng thể thửa đất HĐXX thấy không thể chia thửa đất cho cả hai ông bà được. Tại phiên tòa hôm nay ông L xuất trình hợp đồng thuê nhà cũng như ông đã tôn tạo, san lấp trên thửa đất này. Do đó HĐXX nghĩ nên giao cho ông L quyền sử dụng thửa đất và thanh toán chênh lệch tài sản cho bà H là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do đó HĐXX phân định tài sản như sau:

Tổng giá trị thửa đất là 227.500.000đ được chia đều cho hai ông bà mỗi người được hưởng giá trị tài sản là 113.750.000đ. Ông L được HĐXX giao cho quyền sử dụng đất và ông được hưởng giá trị tài sản mà ông đã san lấp trên thửa đất này là tài sản riêng của ông có giá trị tài sản là: 43.605.000đ. Ông có nghĩa vụ thanh toán trả tiền chênh lệch tài sản cho bà H là: 113.750.000đ.

* Xét yêu cầu của ông L cho rằng: tài sản san lấp trên thửa đất này có giá trị tài sản là 43.605.000đ là tài sản riêng của ông HĐXX thấy rằng lời khai trước đó tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà H cũng thừa nhận ông L đã tôn tạo, vượt lập trên thửa đất này sau khi ông bà ly hôn. Do đó HĐXX chấp nhận giá trị tài sản san lấp trên có giá trị tài sản là 43.605.000đ là tài sản riêng của ông L.

[4] Về chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ: Theo biên bản quyết toán chi phí định giá tài sản và thẩm định tại chỗ ngày 29/9/2017 thì chi phí định giá tài sản hết 2.000.000đ, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 2.000.000đ. Toàn bộ chi phí này do bà H nộp tạm ứng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông L bà H mỗi người phải chịu là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Vì số tiền trên bà H đã nộp tạm ứng toàn bộ nên ông L phải trả cho bà H là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

[3] Về án phí: Ông L bà H phải nộp giá trị phần tài sản mà mình được hưởng. Ông L không phải chịu phần án phí mà ông đề nghị Tòa công nhận về giá trị tài sản mà ông đã san lấp trên thửa đất này là 43.605.000đ. Vì đây không phải là tài sản chung của vợ chồng, mặt khác bà H cũng thừa nhận đây là tài sản riêng của ông.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 163; Điều 164; Điều 165; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tổ tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 206 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 29; 33; 38; 39; 40; 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 99; Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Công nhận thửa đất số 17, tờ bản đồ PL 12, diện tích 95m² trong đó đất ở là 65m², đất không hợp pháp là 30m², địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/2006 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Văn L.

2/ Công nhận: Giá trị san lấp tôn tạo tài sản trên thửa đất này là tài sản riêng của ông Đinh Văn L có giá trị tài sản là 43.605.000đ (*Bốn mươi ba triệu sáu trăm L năm nghìn đồng*).

3/ Giao cho ông Đinh Văn L sử dụng toàn bộ thửa đất số 17, tờ bản đồ PL 12, diện tích đất hợp pháp là 65m² = 227.500.000đ (*Hai trăm hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), địa chỉ: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/10/2006 (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

- Tạm giao cho ông L quản lý, sử dụng 30m² đất không hợp pháp nằm trong thửa đất mà ông được giao. Ông L có nghĩa vụ chấp hành các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với phần đất không hợp pháp

- Buộc ông L phải trả tiền chênh lệch tài sản cho bà H là 113.750.000đ (*Một trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông L được sử dụng tài sản mà ông đã san lấp tôn tạo trên thửa đất được Tòa án giao có giá trị tài sản là 43.605.000đ (Đây là tài sản riêng của ông).

4/ Bà Nguyễn Thị H được nhận giá trị chênh lệch tài sản từ ông Đinh Văn L là 113.750.000đ (*Một trăm mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

5/ Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

6/ Về chi phí định giá tài sản và chi phí thẩm định tại chỗ là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*). Bà H được đối trừ với 2.000.000đ bà đã nộp tạm ứng, ông L phải nộp 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) trả lại cho bà H.

4/ Về án phí:

- Án phí chia tài sản: Ông L và bà H mỗi người phải nộp là 5.687.500 (*Năm triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

- Bà H được đối trừ với 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) bà đã nộp tạm ứng theo biên lai số AA/2015/0000721 ngày 28/7/2017. Bà H còn phải nộp tiếp là 3.187.500đ (Ba triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà H nếu ông L không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng còn phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, bà H, ông L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường T, TP P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Duy

